TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 393/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủy Nguyên, ngày 29 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ các Điều 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 561/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Vũ Thị N; địa chỉ: Thôn 2, xã SK, huyện NT, thành phố Hải Phòng và anh Bùi Văn B; địa chỉ: Thôn 2, xã SK, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã SK, huyện NT, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Nay hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Bùi Thị T, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2000 và Bùi Tuấn Đ, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2005. Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thống nhất con tên Bùi Thị T đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết, khi ly hôn anh Bùi Văn B trực tiếp nuôi con tên Bùi Tuấn Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B tự thảo thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu giải quyết. Thỏa thuận trên phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thống nhất có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị N tự nguyện nhận nộp cả tiền lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thống nhất có hai con chung tên Bùi Thị T, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2000 và Bùi Tuấn Đ, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2005. Con tên Bùi Thị T đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Bùi Văn B trực tiếp nuôi con tên Bùi Tuấn Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thống nhất tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị N và anh Bùi Văn B thống nhất có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị N tự nguyện nhận nộp cả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí việc dân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002767, ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thuỷ Nguyên;
- TANDTP Hải Phòng;
- UBND xã SK, huyện NT
(Giấy CNKH số 40 ngày 24/11/2000);
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Anh Sơn